

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tào Thị Bích Thủy

2. Ông Võ Nam Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/ TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/ QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 về việc xin ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, trú tại thôn ĐT, Xã TD, huyện P, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, trú tại thôn AB, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày viết ngày 20/3/2023 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT năm vào năm 2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N rượu chè, say xỉn về nhà đánh đập vợ con, có nhiều lời lẽ xúc phạm bản thân chị và đập phá đồ đạc trong gia đình. Đến tháng 2 năm 2023 mâu thuẫn xảy ra đỉnh điểm, chị và anh N ly thân, chị nuôi cả 2 con nhỏ. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Theo bản tự khai ngày 05 tháng 6 năm 2023 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn trên cơ sở tình yêu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện Đ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau. Nay vợ anh xin ly hôn, anh cảm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn Tòa án cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

- Về con chung: Chị P và anh N đều khai là có 02 con chung tên là Nguyễn Văn K, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/4/2022.

Nay xin ly hôn Chị P có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cả 2 cháu K và B, và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu cháu đủ 18 tuổi
Anh N có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Văn K, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con,
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị P và anh N thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện Đ vào năm 2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật B vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của Chị P và anh N thì thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 2 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn như Chị P và anh N đã trình bày. Sự mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, dẫn đến vợ chồng ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng về nuôi con thì thấy anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung là cháu K và cháu B, nhưng sau khi vợ chồng ly thân thì cháu K và cháu B được chị Phượng nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu K và cháu B đang có môi trường sống ổn định, cháu đang ăn học ổn định. Chị P có công việc ổn định có thu nhập đủ để nuôi dưỡng cháu K và cháu B. Phù hợp với nguyện vọng của cháu K; khi ba mẹ ly hôn cháu K mong muốn được ở với mẹ. Chấp nhận yêu cầu của Chị P buộc anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu Nguyễn Văn K (sinh ngày 20/10/2014) và cháu Nguyễn Văn B (sinh ngày 04/4/2022) mỗi cháu, mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh N đều thống nhất tự giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX buộc chị P phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, anh N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 266, Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị P, cho chị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2- Về quan hệ con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014 và cháu Nguyễn Văn B sinh ngày 04/4/2022. Cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh N chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hai cháu K và B, mỗi cháu mỗi tháng là 1.500.000 đồng, (một triệu năm trăm ngàn) cho đến khi cháu K và cháu B đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản, khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3 - Về tài sản chung, nợ chung: Chị P và anh N không yêu cầu Tòa giải quyết.

4 - Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Thị P phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu số 4202 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng nam;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Văn Triệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Văn Triệu

